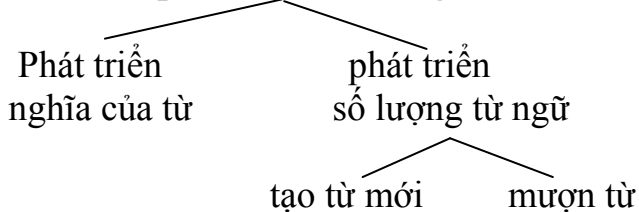


Tiết 46 TÔNG KẾT TỪ VỰNG (TT)

(Sự phát triển của từ vựng ... Trau dồi vốn từ)

I/ Sự phát triển từ vựng :

1. Cách phát triển từ vựng



2. Ví dụ :

- Phát triển nghĩa của từ : (dưa) chuột, (con) chuột (1 bộ phận của máy vi tính)
 - Tăng số lượng từ ngữ:
 - + Tạo thêm từ ngữ mới : VD: rừng phòng hộ , sách đỏ, thị trường tiền tệ, tiền khả thi ...
 - + Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài : Chat , in- tơ- net, (bệnh dịch) Sars
3. Nếu không có sự phát triển nghĩa thì mỗi từ chỉ có 1 nghĩa, mọi ngôn ngữ của nhân loại đều phát triển từ vựng theo 2 cách trên.

II/ Từ mượn :

1. **Khái niệm** : Là từ vay mượn của tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm mà TV chưa có từ

2. **Bài tập** :

- Chọn cách c

3. **Bài tập**

- Săm , lốp , ga , xăng , phanh : Được việt hoá hoàn toàn , có nghĩa
- A-xit , Ra-di-ô, vi-ta-min : Chưa được việt hoá hoàn toàn, mỗi âm tiết riêng không có nghĩa

III/ Từ Hán Việt

1. **Khái niệm**:

Từ mượn gốc Hán nhưng được phát âm và dùng như Tiếng Việt

2. **Bài tập**:

Chọn cách hiểu b

IV/ Thuật ngữ và biệt ngữ XH

1. **Khái niệm**

***Thuật ngữ** : Là từ biểu thị các khái niệm khoa học công nghệ, thường được dùng trong các văn bản KHCN

***Biệt ngữ XH** : Là từ ngữ chỉ được dùng trong một tầng lớp XH nhất định

Ví dụ :

-Thuật ngữ : Hiện tượng hoá học, ẩn dụ...

- Biệt ngữ XH : ngỗng (2đ), trúng tủ (đúng với phần đã chuẩn bị)

2. Vai trò :

- Diễn tả chính xác khái niệm của sự vật thuộc chuyên ngành của thời kì KHKT phát triển

V/ Trau dồi vốn từ :

1. Khái niệm : Cách trau dồi vốn từ

- Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ
- Rèn luyện để làm tăng vốn từ

2. Bài tập : giải thích nghĩa của các từ:

- bách khoa toàn thư: từ điển bách khoa
- bảo hộ mậu dịch: bảo vệ sản xuất trong nước chống lại cạnh tranh của hàng hoá nước ngoài trên thị trường nước mình
- dự thảo: bản thảo để đưa thông qua
- đại sứ quán: cơ quan đại diện của nhà nước nước ngoài do 1 đại sứ đặc mệnh toàn quyền đứng đầu
- hậu duệ: con cháu của người đã chết
- khẩu khí: khí phách toát ra qua lời nói
- môi sinh: môi trường sinh sống của sinh vật

3. Bài tập:

- Béo bổ → Béo bờ (mang lại nhiều lợi nhuận)
- Đạm bạc → Tệ bạc (không nhớ gì ơn nghĩa)
- Tấp nập → Tới tấp (liên tiếp dồn dập)

I/ Đọc Tìm hiểu chú thích :

1. Tác giả

- Bằng Việt tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng (sinh 1941)
- Quê : Thạch thất – Hà Tây
- Trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ
- Giọng thơ trong trẻo , mượt mà

2. Tác phẩm :

- Thể thơ : Thơ 8 chữ
- PTBD : Biểu cảm + tự sự, miêu tả, nghị luận
- Hoàn cảnh sáng tác: 1963 khi tác giả đang là sinh viên học ngành Luật ở Liên Xô
- Xuất xứ: Trích trong tập thơ “Hương cây- Bếp lửa ”

3. Bố cục :

- K 1: Hình ảnh Bếp Lửa khơi nguồn cảm xúc
- K 2,3,4,5: Hồi tưởng kỉ niệm
- K6 : Suy ngẫm về bà và cuộc đời bà
- K7 : Nỗi nhớ khôn nguôi

II. Đọc – Hiểu văn bản :

1. Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu

a. Hình ảnh bếp lửa

- + Bếp lửa chòn vòn
- + Bếp lửa ấp iu
- Hình ảnh gần gũi, quen thuộc, ấp áp, gợi cảm xúc về bà
- + “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”
- Tình bà cháu sâu nặng

b. Những kỉ niệm tuổi thơ bên bà:

- + Lên 4 tuổi- quen mùi khói
- + ... đói mòn đói mỏi
- + ... khói hun nhèm mắt
- + Tám năm ... cùng bà nhóm lửa
- Tuổi thơ thiếu thốn, nhọc nhằn
- Tiếng chim tu hú → gợi lên sự vắng vẻ, khắc khoải một điều gì da diết làm trở dậy những hoài niệm, nhớ mong
- Hồi tưởng về bà :
 - + hay kể chuyện
 - + bảo cháu nghe

+ dạy cháu làm, chăm cháu học

→ Tình yêu thương của bà là điểm tựa cho sự trưởng thành của cháu.

2. Suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa

a. Về bà :

“Lận đận đời bà...

Mấy chục năm rồi ... dậy sớm”

Nhóm : + bếp lửa ấp iu

+ niềm yêu thương

+ nồi xôi gạo mới

+ tâm tình tuổi nhỏ

=> từ láy, điệp ngữ

→ Sự tần tảo, đức hi sinh, chăm lo cho mọi người của bà

b. Bếp lửa :

“Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa”

→ Ngọn lửa thành niềm tin thiêng liêng, kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài

“Giờ cháu đã đi xa...

Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:

- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...”

→ Nỗi nhớ bà luôn thường trực trong lòng nhà thơ

III. Tổng kết :

****Ghi nhớ (SGK/146)***

KHÚC HÁT RU
NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ
Nguyễn Khoa Điềm

(Khuyến khích học sinh tự đọc)

I. Đọc hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Nguyễn Khoa Điềm. Quê gốc: An Cựu- Thủy An- Thành phố Huế.
- Thuở nhỏ học ở quê, năm 1955 tập kết ra Bắc học ở trường Học sinh miền Nam. Sau khi tốt nghiệp ĐHSP Hà Nội, năm 1964 về quê hoạt động trong phong trào học sinh, sinh viên, tham gia quân đội làm thơ, viết báo.
- Thuộc các thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.
- Thơ Nguyễn Khoa Điềm là thơ của một trí thức trẻ, giàu vốn sống thực tế, vốn văn hóa, triết lý và trữ tình, suy tư và cảm xúc.
- Các tập thơ lớn:
 - + Đất ngoại ô
 - + Mặt đường khát vọng

2. Tác phẩm: Bài thơ được viết năm 1971 khi tác giả đang công tác ở chiến khu Tây Thừa Thiên. Bài thơ ca ngợi tình thương bao la và khát vọng, ước mơ cao đẹp của những người mẹ Tà-ôi thương con, yêu nước, cố gắng đóng góp sức mình vào chiến thắng chung của dân tộc.

II. Tìm hiểu văn bản:

1. Nội dung:

- Hình ảnh bà mẹ Tà-ôi được khắc họa với những công việc cụ thể: mẹ địu con giã gạo nuôi bộ đội, tía cấp trên núi Ka-lui, tham gia kháng chiến.
- Tình cảm và những ước vọng của bà mẹ Tà-ôi được gửi gắm vào những khúc hát:
 - + Ở lời ru thứ nhất và thứ hai, bà mẹ mong con khôn lớn, có sức vóc phi thường.
 - + Ở lời ru thứ ba, bà mẹ mong con khôn lớn về phương diện tinh thần, mang lí tưởng của cả dân tộc: “Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ – Mai sau con lớn làm người Tự do...”
- Nhan đề bài thơ rất mới lạ, rất ấn tượng. Có nhiều hàm nghĩa vừa cụ thể, vừa khái quát.

2. Nghệ thuật:

- Sáng tạo trong kết cấu nghệ thuật, tạo nên sự lặp lại giống như những giai điệu của lời ru, âm hưởng của lời ru.
- Nghệ thuật ẩn dụ, phóng đại.
- Liên tưởng độc đáo, diễn đạt bằng những hình ảnh thơ có ý nghĩa biểu tượng.

3. Ý nghĩa văn bản:

- “Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ” ngợi ca tình cảm thiết tha và cao đẹp của bà mẹ Tà-ôi dành cho con, cho quê hương, đất nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

4. Ghi nhớ (SGK/155)

Tiết 50 **TỔNG KẾT TỪ VỰNG (TT)** (Từ tượng hình, tượng thanh, một số phép tu từ từ vựng)

I/ Từ tượng thanh, từ tượng hình ,

1. Khái niệm :

- Tượng thanh : Mô phỏng âm thanh của tự nhiên và con người
- Tượng hình : Gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái ...

2. Tên loài vật là từ tượng thanh : mèo, bò, tắc kè...

3. Từ tượng hình : Lốm đốm, lê thê, loáng thoáng, lơ lửng → Hình ảnh đám mây cụ thể và sinh động hơn

II/ Một số biện pháp tu từ :

1. Khái niệm :

- **So sánh** : Đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng làm tăng sức gợi hình , gợi cảm cho sự diễn đạt
- **Ẩn dụ** : Gợi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình , gợi cảm cho sự diễn đạt
- **Nhân hoá** : Gợi hoặc tả con vật , cây cối bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người , làm cho thế giới loài vật trở nên gần gũi
- **Hoán dụ** : Gợi tên sự vật hiện tượng khái niệm này bằng tên sự vật hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi nhằm tăng sức gợi cảm cho sự diễn đạt
- **Nói quá** : là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh , gây ấn tượng..
- **Nói giảm nói tránh** : Dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển tránh gây cảm giác đau buồn ghê sợ, thô tục
- **Điệp ngữ** : Lặp lại từ ngữ, câu, để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh
- **Chơi chữ** : Lợi dụng đặc sắc về âm, nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm , hài hước...làm câu văn hấp dẫn, thú vị

2. Bài tập :

a. Ẩn dụ : Hoa, cánh – Thuý Kiều

Cây , lá – Gia đình Kiều

→ Kiều bán mình để cứu gia đình

b. So sánh : Tiếng đàn

c. Nói quá: Hoa ghen liêu hờn, nghiêng nước nghiêng thành, sắc đành đòi một, tài đành hoạ hai

→ Một nhân vật tài sắc vẹn toàn

d. Nói quá : Gần (cùng khu vườn) - mà xa (gấp mười quan san)

→ Sự xa cách giữa thân phận, cảnh ngộ của Thuý Kiều và Thúc Sinh

e. Chơi chữ, điệp : tài – tai

3 Phân tích nghệ thuật độc đáo

a. Điệp từ : Còn

- Dùng từ đa nghĩa : Say sưa:

+ Say men rượu

+ Say men tình

→ Chàng trai thể hiện tình cảm rất mạnh mẽ, rất kín đáo

b. Nói quá: sự lớn mạnh của nghĩa quân Lam Sơn.

c. So sánh: Miêu tả sắc nét và sinh động âm thanh tiếng suối và cảnh rừng dưới đêm trăng

d. Nhân hoá: Trăng trở thành người bạn tri âm tri kỉ

e. Ẩn dụ : “Mặt trời ” câu 2 (chỉ em bé)

→ Sự gắn bó của đứa con với người mẹ , con là nguồn sống, nuôi dưỡng niềm tin của mẹ vào ngày mai
